

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 11 – 11 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX - ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Vương mạnh B, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã D, huyện Đ, Hà Nội (Hiện đang cải tạo tại: Phân trại 3 trại giam Vĩnh Quang, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2019, các lời khai bổ sung, chị Lê Thị M - nguyên đơn trình bày::***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vương mạnh B ngày 14/8/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, Hà Nội. Trước khi cưới vợ chồng có tự do tìm hiểu, không ai gò ép hay ép buộc gì cả. Sau khi cưới vợ chồng ăn ở cùng với gia đình chồng tại thôn L, xã D, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột mâu thuẫn về tình cảm. Vào khoảng tháng 3/2009, vợ chồng xích mích về chuyện tình cảm anh B có đánh chị, công an xã phải xuống can thiệp và anh B đã phải viết

bản cam kết. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chời bởi sử dụng ma túy, không quan tâm đến chị và con. Anh B không ở nhà mà ra ngoài thuê trọ nên vợ chồng không chung sống với nhau. Đến năm 2015, anh B bị Công an bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 7 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh B đang chấp hành án tại Đội 28, phân trại 3, Trại giam Vĩnh Quang, Vĩnh Phúc. Từ khi anh B đi chấp hành án chị vẫn lên thăm nom anh B. Chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở từ tháng 3/2019. Hiện nay chị xác định tình cảm không còn, chị muốn ổn định cuộc sống, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay các con đang ăn ở sinh sống và học tập với chị tại nhà mẹ đẻ chị ở cùng thôn. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Vì anh B hiện nay đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty ENPLAST ở Khu công nghiệp Bắc Thăng Long. Thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời khai của bị đơn là anh Vương mạnh B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị M năm 2004, có đăng ký tại UBND xã D, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị M về chung sống với gia đình anh tại thôn Mạch Lũng, xã D, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng mà chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt gia đình. Đến tháng 12 năm 2005 thì anh bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 7 năm tù. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị M xin ly hôn anh, anh cũng không biết lý do vì sao. Chị M vẫn thường xuyên lên thăm anh. Lần gần đây nhất là vào tháng 9/2019, chị M lên thăm anh nhưng không thấy chị M nói gì với anh về việc ly hôn. Nay anh đề nghị Tòa án cho anh một thời gian để anh nói chuyện với chị M và gia đình sau đó anh sẽ quyết định việc ly hôn. Hiện tại anh không đồng ý ly hôn chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay các con chung đều đang ở với chị M. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao 2 con cho bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi anh chấp hành án xong sẽ quyết định sau.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang chấp hành án nên không thể về Tòa án để giải quyết vụ

án. Vì vậy anh giữ nguyên lời khai trên và đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

- Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Vương mạnh B; Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M về việc ly hôn với anh Vương mạnh B. Chị Lê Thị M được ly hôn anh Vương mạnh B

+ Về con chung: Giao cả 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con vì các bên không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị M phải chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M và anh Vương mạnh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Chị M xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời không quan tâm đến gia đình và vợ con, anh B còn sử dụng ma túy và bị bắt phải đi chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang từ năm 2016 đến nay. Anh B xác định vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2016, anh bị bắt và phải đi chấp hành án tại Trại giam

Vĩnh Quang từ đó cho đến nay. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp ý kiến: Chị M và anh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 14/8/2004. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị địa phương không nắm rõ vì chưa khi nào địa phương phải hòa giải mâu thuẫn của anh chị. Tuy nhiên, chính quyền địa phương cung cấp anh B đi suốt ngày, không quan tâm đến gia đình và con cái. Chỉ một mình chị M chăm sóc và nuôi dưỡng con. Anh B cũng có lần đánh chị M. Hiện nay anh B đang đi chấp hành án, chị M và các con đã về nhà mẹ đẻ chị M sinh sống. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét mâu thuẫn của anh chị giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên.

Xét thấy: Mâu thuẫn của chị M và anh B là có thật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh B chơi bời, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình vợ con, mà chỉ có chị M một mình chăm sóc con cái. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B. Anh B không đồng ý ly hôn, nhưng từ những phân tích trên xác định anh chị sống không hạnh phúc, anh B không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị M về việc ly hôn anh B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh chị đều xác định có vợ chồng có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay, các con đều ở với chị M, do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng được ở với chị M. Hiện nay anh B đang chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc con cái. Vì vậy, tiếp tục để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M đối với anh Vương mạnh B. Chị Lê Thị M được ly hôn anh Vương mạnh B.

2. Về con chung: Xác định chị Lê Thị M với anh Vương mạnh B có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 17/11/2004 và Vương Diệp V, sinh ngày 15/12/2012. Giao cả 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không có yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị M phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008938 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đ.
- THA dân sự huyện Đ.
- UBND xã M, huyện Đ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Thịnh Quang Thắng